| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẠM TẤU**<br>**TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2019/HC-ST
Ngày: 18-11-2019
V/v khiếu kiện QĐ xử phạt vi phạm hành chính.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Lên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Lò Thị Thu Hương;

2. Ông Sùng A Nu.

***Thư ký phiên toà:*** Ông Hờ A Say- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên toà:*** Bà Hà Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-HC ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HC ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện*: Ông Hờ A S, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.”Có mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; nơi cư trú thôn H, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái. “Có mặt”.

*2. Người bị kiện:*

Trưởng Công an xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái, do ông Sùng A C - Trưởng Công an xã T, huyện T là người đại diện theo pháp luật. “Có mặt”.

*3 Người làm chứng:*

- Hờ Bla G; nơi cư trú thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái. “Có mặt”.

- Hà Đình N, sinh năm 1991; nơi cư trú tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái. "Vắng mặt".

- Thào A D, sinh năm 1991; nơi cư trú thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái. "Vắng mặt'.

- Hờ A G, sinh năm 1982; nơi cư trú thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái. "Có mặt".

- Hoàng Xuân T, sinh năm 1987; nơi cư trú tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

4. Người phiên dịch: Ông Mùa A Làng- Cán bộ Chi cục thi hành án Dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. "Có mặt".

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa người bị kiện ông Hờ A S Trình bày:

Vào chiều ngày 13-6-2019 ông S đi giúp ông Hờ BLa G gặt lúa, tối cùng ngày ông về nhà ông G ăn cơm, uống rượu đến khoảng 22 giờ, thì đi ngủ. Đến khoảng 23 giờ đêm cùng ngày thì có ông Sùng A C là trưởng Công an xã T, ông Hà Đình N Công an huyện T phụ trách xã và ông Thào A D Công an viên của thôn X, xã T, đến nhà ông Hờ BLa G, dùng khóa số 8 khóa tay ông và yêu cầu phải đưa cho ông C 7.000.000 đồng, nhưng do ông không có tiền nên ông C dùng khóa số 8, khóa tay ông từ 23 giờ đêm ngày 13-6-2019 đến 08 giờ sáng ngày 14-6-2019, thì ông Sùng A C1 đội phó đội Hình sự Công an huyện T mới đến nhà Hờ BLa G mở khóa cho ông. Sau khi ông C1 mở khóa xong và ra về được khoảng 15 phút thì ông C bảo ông Hờ A G là thôn đội trưởng đến nhà ông Hờ BLa G bảo ông S phải mang ngay 7.000.000 đồng lên nhà Hờ A G để nộp cho ông C nếu ông S không nộp sẽ bắt đi cải tạo, do lúc đó ông S chỉ còn 700.000 đồng, nên đã vay 300.000 đồng của Sùng Sáy P, sau đó mang 1.000.000 đồng lên nhà Hờ A G nộp cho ông Sùng A C. Khi thu tiền ông C bảo ông điểm chỉ vào một tờ giấy, nhưng ông không biết nội dung là gì.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết, hủy bỏ toàn bộ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng công an xã T, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; yêu cầu trả lại số tiền đã xử phạt là 1.000.000 đồng và bồi thường danh dự nhân phẩm bị thiệt hại là 10.000.000 đồng.

Người bị kiện: Trưởng Công an xã T ông Sùng A C trình bày:

Tối ngày 13-6-2019 Công an xã nhận được nguồn tin từ quần chúng nhân dân thôn L, xã T, báo tin là trong nhà ông Hờ Bla G có tụ tập đông người nằm hút thuốc phiện, khi nhận được tin báo, tôi báo cáo với đồng chí Trang A L - Chủ tịch UBND xã và đồng chí Hà Đình N Công an huyện được phân công phụ trách xã. Sau đó chúng tôi thành lập tổ gồm tôi, Hà Đình N và Thào A D, đi

kiểm tra tại nhà ông Hờ Bla G, chòm T, thôn L, xã T như nguồn tin báo; khi vào kiểm tra phát hiện ông Hờ Bla G và ông Hờ A S đang nằm hút thuốc phiện, khi phát hiện chúng tôi ông G và ông S đứng dậy có ý định bỏ chạy nên đồng chí N và đồng chí D đã khóa tay của ông S và ông G. Chúng tôi thu được 01 bộ bàn đèn; 03 ống nứa dùng để hút thuốc phiện, chúng tôi đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và lấy lời khai của ông Hờ A S, đến ngày 14 tháng 6 năm 2019 chúng tôi tiến hành thử ma túy đối với ông Hờ A S thì dương tính với ma túy.

Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính và lấy lời khai xong thì đồng chí N về trước còn tôi và D ở lại tại nhà anh Hờ A G, sáng ngày 14-6-2019 ông Hờ A S đến nhà anh G để nộp tiền phạt do ông có sử dụng ma túy, tôi có tư vấn cho ông S lên UBND xã để nộp, nhưng ông S nói do xã ở xa nên việc đi lại rất khó khăn và nhờ tôi cầm tiền và nộp hộ cho kế toán xã để nộp lên kho bạc nhà nước huyện T, tiếp đó tôi nói anh D lập giấy giao nhận tiền và nhận số tiền 1.000.000 đồng từ ông S cầm về xã để nộp cho kế toán xã. Sau đó tôi đã báo có vụ việc cho Chủ tịch UBND xã và Chủ tịch giao cho tôi ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hờ A S về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Nay ông Hờ A S khởi kiện đề nghị Tòa án hủy toàn bộ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019, yêu cầu trả lại số tiền đã xử phạt là 1.000.000 đồng và bồi thường danh dự nhân phẩm bị thiệt hại là 10.000.000 đồng.

Do có vi phạm về thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 nên tôi đã đề nghị Chủ tịch UBND xã T ra quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên. UBND xã T, huyện T đã ban hành quyết định số 258/QĐ-HBXPVPHC ngày 23 tháng 10 năm 2019 để hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng Công an xã T về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hờ A S, vì Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã bị hủy nên ông S được trả lại số tiền 1.000.000 đồng đã nộp phạt.

Còn việc ông S đề nghị tôi có trách nhiệm bồi thường danh dự nhân phẩm bị thiệt hại là 10.000.000 đồng, tôi không nhất trí bồi thường, do không có căn cứ. Quyết định do tôi ban hành có sai về thủ tục, nên tôi nhất trí hỗ trợ 4.000.000 đồng cho ông S.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cho các bên đương sự đối thoại nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện đã xuất trình quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính và đồng ý hỗ trợ người bị kiện 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, hủy bỏ toàn bộ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng công an xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái, yêu cầu trả lại số tiền đã xử phạt là 1.000.000 đồng và bồi thường danh

dự nhân phẩm bị thiệt hại là 10.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Vì ngày 13-6-2019 ông S không sử dụng trái phép chất ma túy nhưng trưởng Công an xã T ban hành quyết định xử phạt với số tiền 1.000.000 đồng.

Người làm chứng ông Hoàng Xuân T trình bày: Vào hồi 06 giờ 20 phút, ngày 14 tháng 6 năm 2019 tôi có tham gia cùng các ông Hờ A C, Hà Đình N tiến hành thử ma túy đối với ông Hờ A S, kết quả ông S dương tính với chất ma túy, việc chúng tôi tiến hành thử ma túy với ông S là hoàn toàn khách quan vô tư và có ông Hờ A G là người chứng kiến.

Người làm chứng Hờ Bla G trình bày, vào tối 13 tháng 6 năm 2019 tại nhà tôi, chúng tôi đang chuẩn bị hút thuốc phiện thì bị Công an bắt giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn thụ lý và xét xử; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Sào:

Trưởng công an xã Tà Xi Láng, huyện Trạm Tấu có nghĩa vụ trả lại số tiền đã xử phạt là 1.000.000 đồng cho ông Hờ A S.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng;

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Hờ A S khiếu kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng công an xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; quyết định hành chính của Trưởng Công an xã trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án nhân cấp huyện, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật tố tụng hành chính.

- *Về đối tượng khởi kiện:* Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng công an xã T, huyện T về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hờ A S là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

- *Về thời hiện khởi kiện:* Ngày 12-7-2019 Trưởng Công an xã T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 52/QĐ-XPVPHC; ngày 26-9-2019 ông S

khởi kiện tại Tòa án là đảm bảo trong thời hạn 01 năm được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật xử lý vi phạm hành chính, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Tính hợp pháp của quyết định hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng công an xã T, huyện T.

*- Về thể thức văn bản quyết định xử phạt vi phạm hành chính:*

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng công an xã T, huyện T đã áp dụng theo biểu mẫu ban hành kèm theo thông tư số 07/2019/TT- BCA ngày 20/3/2019 của Bộ công an quy định về các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân. Tuy nhiên Quyết đinh xử phạt vi phạm hành chính chưa tuân thủ hình thức và nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính. Cụ thể trong Quyết định chỉ căn cứ vào Điều 21 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vụ an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình nhưng không rõ thuộc văn bản nào; Quyết định không căn cứ vào Điều 57, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; chưa thể hiện rõ họ tên người ra quyết định; chưa ghi rõ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm; không ghi số CMND của người bị xử phạt, ngày cấp, nơi cấp.

*- Về nội dung quyết định xử phạt vi phạm hành chính:*

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông S không thừa nhận có sử dụng ma túy vào tối ngày 13-6-2019, tuy nhiên ông S không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc ông S không sử dụng ma túy; bên cạnh đó tại biên bản vi phạm hành chính ngày 13 tháng 6 năm 2019, biên bản lấy lời khai ông S đều thừa nhận có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, tại biên bản thử ma túy vào hồi 06 giờ 20 phút, ngày 14-6-2019 xác định ông S dương tính với chất ma túy. Việc ông S sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ; việc Trưởng công an xã căn cứ vào khoản 1 Điều 21 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của ông S là có căn cứ.

*- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt hành chính:*

Ngày 13-6-2019, Công an xã T tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Hờ A S có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Nội dung biên bản hành chính không ghi rõ họ tên, địa chỉ của người chứng kiến là vi phạm khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính; biên bản vi phạm hành chính không giao cho người vi phạm 01 bản là vi phạm khoản 3 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

*- Về thẩm quyền ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính:*

Theo quy định tại khoản 3 Điều 39, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành

chính; khoản 1 Điều 21, điểm b khoản 3 Điều 66 Nghị số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình thì ông Sùng A C trưởng Công an xã Tà Xi Láng ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hờ A S là đúng thẩm quyền.

*- Về thời hiệu ban hành quyết định xử phạt hành chính:*

Căn cứ vào Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính thời hiệu xử lý vi phạm hành chính là 01 năm. Ngày phát hiện hành vi vi phạm và lập biên bản vi phạm là 13-6-2019, ngày 12-7-2019 Trưởng Công an xã T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là còn trong thời hiệu luật định.

*- Về thời hạn xử phạt vi phạm hành chính:*

Căn cứ vào Điều 61 và Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính thì thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tối đa là 7 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm. Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp phải giải trình và không thuộc trường hợp vụ việc phải giải trình theo quy đinh tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật xử lý vi phạm hành chính thì thời hạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản. Trong vụ việc này không có nhiều tình tiết phức tạp, nhưng hơn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm trưởng Công an xã T mới ra quyết định xử phạt là vi phạm về thời hạn, quy định tại 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[3] Đối với quyết định số: 258/QĐ-HBXPVPHC ngày 23 tháng 10 năm 2019 của UBND xã T:

Do quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng công an xã T, huyện T có vi phạm về trình tự thủ tục, thời hạn ban hành quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 58, khoản 1 Điều 66, khoản 1 Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính. Ngày 23-10-2019 Chủ tịch UBND xã T, huyện T đã ban hành quyết định số: 258/QĐ-HBXPVPHC ngày 23 tháng 10 năm 2019 để hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng Công an xã T về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hờ A S.

Về thẩm quyền hủy bỏ Quyết định hành chính: Theo khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 6b Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP thì Chủ tịch UBND xã T hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng Công an xã T về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hờ A S là đúng thẩm quyền.

Thời hạn ra quyết định hủy bỏ: Theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP, ngày 18/8/2017 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP, ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Bổ sung Điều 6c như sau:

Thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định, trừ trường hợp hết thời hiệu quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy, việc hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính của chủ tịch UBND xã T là còn trong thời hạn.

[4] Từ những phân tích đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy do quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng công an xã T, huyện T đã bị hủy bỏ bởi quyết định số: 258/QĐ-HBXPVPHC ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch UBND xã T. Vì vậy, đối tượng khởi kiện không còn nên yêu cầu của ông S đề nghị hủy bỏ quyết xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng công an xã T, huyện T không được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của ông S đề nghị được trả lại số tiền đã bị xử phạt vi phạm hành chính:

Hội đồng xét xử xét thấy do quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng công an xã T, huyện T đã bị hủy nên ông S được nhận lại số tiền đã xử phạt. Ngày 25-10-2019 ông C đã trả lại cho ông S 1.000.000 đồng, nhưng ông S từ chối nhận lại số tiền này.

[6] Đối với đề nghị của ông S yêu cầu Trưởng công an xã T phải bồi thường danh dự, nhân phẩm, xét thấy do quyết định xử phạt vi phạm hành chính có vi phạm, nên yêu cầu bồi thường của ông S là có căn cứ, tuy nhiên việc ông S yêu cầu bồi thường về danh dự nhân phẩm là 10.000.000 đồng, Trưởng công an chấp nhận hỗ trợ cho ông S 4.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu bồi thường của ông S là cao vì thiệt hại về danh dự nhân phẩm của ông S trong trường hợp này không nhiều, mức bồi thường của Trưởng công an xã T là 4.000.000 đồng là phù hợp. Do vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm của ông S.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người khởi kiện, người bị kiện có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 3, khoản 3 Điều 18, Điều 30, Điều 31, Điều 115, Điều 116, khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 của Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ vào Điều 6, khoản 3 Điều 39, Điều 57, Điều 58, Điều 66, Điều 67, Điều 68 của Luật Hành chính.

Căn cứ vào Điều 357, 468, 584, 585, 592 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 21, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ; Điều 6b, Điều 6c Nghị định số 181/NĐ-CPP ngày 19/7/2013 của Chính phủ và khoản 9, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2019 của chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 181/2013/NĐ-CP.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hờ A S về việc hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Trưởng công an xã T, huyện T.

2. Buộc trưởng Công an xã T, huyện T phải trả lại cho ông Hờ A S số tiền đã xử phạt là 1.000.000 *(một triệu)* đồng.

3. Buộc trưởng Công an xã T, huyện T phải bồi thường về danh dự, nhân phẩm cho ông Hờ A S là 4.000.000 *(bốn triệu)* đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông S có đơn yêu cầu thi hành án mà trưởng Công an xã T không thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng trưởng Công an xã T phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.*

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Hờ A S phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Tổng cộng ông S phải chịu 600.000 *(sáu trăm nghìn)* đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000267 ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu; ông S còn phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí sơ thẩm.

Trưởng Công an xã T phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn đồng)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người bị kiện có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện;
- Lưu hs, TA, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Lên**